LỊCH HỌC THỰC HÀNH

(TUẦN 32 - Từ ngày 10 tháng 04 đến ngày 16 tháng 04 năm 2023)

ĐƠN VỊ: KHOA CƠ KHÍ

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	2														Giáo viên
							Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN		
							Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	
1	ĐH	16	20222ME6002001	1	30	CAD			1	309-A10											N.V.Tuân
2	ĐH	16	20222ME6002001	2	30	CAD					3	309-A10									B.T.Tài
3	ĐH	16	20222ME6041001	2	22	VLH	2	312-A10													L.T.P.Thanh
4	ĐH	16	20222ME6041001	3	21	VLH									2	312-A10					N.T. Tùng
5	ĐH	16	20222ME6041002	1	22	VLH			1	312-A10											L.T.P.Thanh
6	ĐH	16	20222ME6041002	3	21	VLH									1	312-A10					N.T. Tùng
7	ĐH	15	20222ME6004001	1	36	CADCAM	2	310_A10													Đ.N. Hoành
8	ĐH	15	20222ME6004001	2	37	CADCAM	3	303_A10													N.V. Cảnh
9	ĐH	15	20222ME6095001	1	35	CAE									2	309_A10					T.V. Long
10	ĐH	15	20222ME6095001	2	35	CAE					3	303_A10									N.V. Cảnh
11	ĐH	15	20222ME6101001	1	23	Công nghệ in 3D											1	503_A10			T.V. Long
12	ĐH	15	20222ME6101001	2	23	Công nghệ in 3D											2	503_A10			T.V. Long
13	ĐH	15	20222ME6101001	3	24	Công nghệ in 3D									2	503_A10					N.V. Cảnh
14	ĐH	16	20222ME6022001	1	22	HTTĐTK	2	203-A10													T. Q. Bảo
15	ĐH	16	20222ME6022001	2	22	HTTĐTK							2	203-A10							T. Q. Bảo
16	ĐH	16	20222ME6022001	3	21	HTTĐTK									2	203-A10					L. V. Nghĩa
17	ĐH	16	20222ME6022008	1	22	HTTĐTK	1	203-A10													L. V. Hải
18	ĐH	16	20222ME6022008	2	22	HTTĐTK											2	203-A10			T. Q. Bảo
19	ĐH	16	20222ME6022008	3	21	HTTĐTK													2	203-A10	L. V. Hải
20	ĐH	16	20222ME6022003	1	22	HTTĐTK					2	203-A10									T. Q. Bảo
21	ĐH	16	20222ME6022003	2	22	HTTĐTK					3	203-A10									T. A. Sơn
22	ĐH	16	20222ME6022003	3	21	HTTĐTK							1	203-A10							L. V. Hải
23	ĐH	16	20222ME6022004	1	21	HTTĐTK					1	203-A10									L. N. Duy
24	ĐH	16	20222ME6022004	2	22	HTTĐTK	3	203-A10													L. V. Nghĩa
25	ĐH	16	20222ME6022004	3	22	HTTĐTK							3	203-A10							L. V. Hải
26	ĐH	16	20222ME6022012	1	22	HTTĐTK			1	203-A10											L. V. Hải
27	ĐH	16	20222ME6022012	2	21	HTTĐTK			2	203-A10											T. A. Sơn
28	ĐH	16	20222ME6022012	3	22	HTTĐTK			3	203-A10											T. A. Sơn
29	ĐH	16	20222ME6022013	1	21	HTTĐTK											1	203-A10			L. V. Nghĩa

30	ĐH	16	20222ME6022013	2	22	HTTĐTK									1	203-A10					L. V. Hải
31	ĐH	16	20222ME6022013	3	22	HTTĐTK													1	203-A10	L. V. Hải
32	ĐH	K16	20222ME6044002	1	32	TH CBHTD	1	209 - A10													B. T. Lâm
33	ĐH	K16	20222ME6044002	2	33	TH CBHTD			1	209 - A10											P. Đ. Hiếu
34	ĐH	K16	20222ME6044006	1	32	TH CBHTD							1	209 - A10							B. T. Lâm
35	ĐH	K16	20222ME6044006	2	33	TH CBHTD							2	209 - A10							P. Đ. Hiếu
36	ĐH	K16	20222ME6044003	1	32	TH CBHTD											1	209 - A10			L. N. Duy
37	ĐH	K16	20222ME6044003	2	33	TH CBHTD											2	209 - A10			L. V. Nghĩa
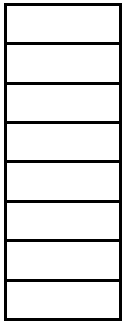
Ghi chú